

## Chương 5

### Nước Xích Quỷ

#### 1. Nước Xích Quỷ trong truyền thuyết và sử sách Việt Nam

Truyền thuyết *Họ Hồng Bàng* trong *Lĩnh Nam Chích Quái* kể:

*Đế Minh là cháu ba đời của Viêm Đế Thần Nông, đi tuần về phía Nam đến núi Ngũ Lĩnh<sup>1</sup>, lấy con gái bà Vụ Tiên đẻ ra Lộc Tục. Đế Minh truyền ngôi cho con trưởng là Đế Nghi, cai trị phía Bắc, phong cho Lộc Tục làm Kinh Dương Vương cai trị phía Nam, lấy tên nước là Xích Quỷ. Kinh Dương Vương lấy con gái Long Vương hồ Động Đình đẻ ra Lạc Long Quân.*

*Đế Nghi truyền ngôi cho con là Đế Lai...Một ngày, Đế Lai giao quyền cho Xuy Vu, đưa con gái là Âu Cơ đi xuống thăm nước Xích Quỷ...*

*Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, đẻ ra bọc trăm trứng, nở ra trăm người con trai...100 người con trai đó là tổ tiên của người Bách Việt...*

Ngô Sĩ Liên là sử gia đầu tiên đưa truyền thuyết Hồng Bàng vào bộ quốc sử *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, coi Kinh Dương Vương là “vị vua đầu tiên của nước Đại Việt”, tức coi nước Xích Quỷ là nước đầu tiên của người Việt Nam. Ông xác định nước Xích Quỷ ra đời vào năm 2878 TCN (?!).

Trong *Dư địa chí* Nguyễn Trãi viết “Đế Minh phong Kinh Dương làm Việt Nam Vương”, tức cũng coi Xích Quỷ là nước Việt Nam cổ.

Trong “*Việt Nam sử lược*” (1919), Trần Trọng Kim đồng nhất nước Xích Quỷ với nước Văn Lang, có “bờ cõi phía Bắc giáp hồ Động Đình, phía Nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía Tây giáp Ba-Thục (Tứ Xuyên), phía Đông giáp Nam Hải”.

Trong “*Lịch sử cổ đại Việt Nam*“, Đào Duy Anh (1957/2010:200-207)<sup>2</sup> dù vẫn coi nước Xích Quỷ là nước trong truyền thuyết, nhưng đồng ý với Lê Chí Thiệp<sup>3</sup> coi Kinh Dương Vương là vua của châu Kinh và châu Dương, tên Kinh Dương Vương là biểu tượng cho tổ tiên người Việt Nam xưa ở hai châu Kinh- Dương xưa (thuộc các tỉnh Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tây, Giang Tô, An Huy, Chiết Giang ở Trung Quốc nay).

---

<sup>1</sup> Ngũ Lĩnh là nay thuộc Hồ Nam, Trung Quốc

<sup>2</sup> Cuốn sách trên cùng với hai cuốn *Cổ sử Việt Nam* và *Vấn đề hình thành của dân tộc Việt Nam* (1957) được in chung trong cuốn *Lịch sử cổ đại Việt Nam* xuất bản năm 2005 và tái bản năm 2010.

<sup>3</sup> Lê Chí Thiệp là một học giả ở Sài Gòn. Giả thuyết về Kinh Dương Vương và nước Việt Thường của ông được đăng trên tạp chí *Đất Việt* số 16-17 (không rõ năm). Năm 1973, ông lại xuất bản cuốn *Kinh Dịch nguyên thủy*, chứng minh Kinh Dịch có nguồn gốc Việt Thường. Có lẽ, ông là học giả đầu tiên chứng minh nước Xích Quỷ và nước Việt Thường là nước có thực của tổ tiên người Việt.

Trong “*Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*”, Bình Nguyên Lộc (1971:303-305) <sup>1</sup> từ niềm tin “truyền thuyết của một dân tộc luôn chứa đựng ít nhiều sự thực” đã khẳng định “nước Xích Quỷ là nước có thực của tổ tiên người Việt Nam”. Ông xác định nước Xích Quỷ chính là nước Quỷ Phương thời Thương và kết nối việc nhà Thương/ Ân <sup>2</sup> đánh Quỷ Phương trong cổ thư Trung Hoa với tích Phù Đổng Thiên Vương đánh giặc Ân trong truyền thuyết Việt. Ông còn tin nước Xích Quỷ là một nước “tài giỏi và văn minh”, bởi nước đó vẫn tồn tại cho đến thời Chu và một dòng quý tộc Hoa đã lấy con gái nước Quỷ Phương, sinh con đẻ cháu là Hùng Dịch, vị vua đầu tiên của nước Sở. Quỷ Phương không ở Hồ Bắc, Hồ Nam đất Sở sau này, cũng không phải ở Quý Châu như một sách địa lý Trung Quốc xác định <sup>3</sup> mà chỉ có thể là một nước nhỏ ở Nam Quý Châu.

Tóm lại, với nhiều thể hệ sử gia Việt Nam, nước Xích Quỷ luôn là nước của tổ tiên người Việt Nam. Một số học giả còn tìm cách chứng minh nước Xích Quỷ là nước có thực, chủ yếu dựa vào bằng chứng thư tịch. Địa bàn của nước Xích Quỷ được xác định ở những vùng rộng hẹp khác nhau nhưng đều thuộc đất Trung Quốc nay.

Dựa trên các phát hiện mới trong vòng hơn 40 năm qua, đặc biệt là các phát hiện khảo cổ, tôi sẽ chứng minh Xích Quỷ là một nước hay đúng hơn là một liên minh có thực của người Bách Việt ra đời vào cuối thời Thương (thế kỷ 14-11 TCN). Chủ nhân của các nước đó là tổ tiên của người Việt Nam nay.

Tên gọi Bách Việt xuất hiện trong thư tịch thời Tần-Hán khi nói về các nhóm Việt phát tán ở khắp Nam Trung Quốc và Bắc Việt Nam sau khi nước U Việt bị Sở thôn tính năm 333 TCN. Tuy nhiên, tôi cũng sẽ dùng từ Bách Việt để chỉ các nhóm Việt chủ nhân các nước thuộc liên minh Xích Quỷ phân bố trên một vùng khá rộng.

Bình Nguyên Lộc xác định nước Xích Quỷ chính là nước Quỷ Phương ghi trong cổ thư Hoa. Vì thế, trước hết, chúng ta hãy tìm hiểu về nước Quỷ Phương thời Thương.

## 2. Các nước Quỷ trong văn giáp cốt Thương

Dựa trên các nghiên cứu về văn giáp cốt, học giả Đức Theobald (2005) đã lập một bản đồ cho thấy tên gọi và vị trí các nước láng giềng với nước Thương (Bản đồ 1).

Trên bản đồ đó, chúng ta thấy quanh nước Thương (với các địa danh chữ đồ tập trung ở vùng trung lưu sông Hoàng-Hà Nam) có nhiều nước láng giềng với các tên gọi khác nhau (chữ đen). Trong đó, có một nước ghi rõ là Quỷ Phương (Guifang) nằm ở

<sup>1</sup> Cuốn sách này của Bình Nguyên Lộc đã được Nhà xuất bản Xuân Thu ở California, Mỹ tái bản (không ghi năm) và phổ biến khá rộng trên internet.

<sup>2</sup> Năm 1384 TCN, vua Thương Bàn Canh chuyển đô về đất Ân, từ đó nhà Thương còn gọi là nhà Ân.

<sup>3</sup> Hiện trang mạng của chính quyền tỉnh Quý Châu (<http://www.gzxw.gov.cn>) dựa vào câu: “*Quỷ Phương, địa danh cổ, nay là Quý Châu*” trong *Từ Hải*, cuốn Đại Từ điển thời Thanh vẫn khẳng định: “Quỷ Phương ở Quý Châu, nguyên là đất của một nhóm Bách Việt. Quỷ Phương sau là nước Tường Kha ở Quý Châu.

phía Tây nước Thương (Thiểm Tây) và một nước ghi tắt là Quỷ (Gui) ở ngay bờ Bắc Dương Tử (Hồ Bắc).



Hình 1: Bản đồ Trung Quốc thời Thương-Ân ( thế kỷ 17-11 TCN).

Nguồn: chinaknowledge.org

Trong văn giáp cốt Thương, chữ Quỷ có tượng hình là một hồn ma có bộ mặt đáng sợ, chữ Phương, ngoài nghĩa đen là phương, hướng, nơi, vùng, còn có nghĩa bóng là “nước thù địch”. Vì thế, Quỷ Phương hay Nước Quỷ là một tên gọi miệt thị mà nhà Thương thường dùng cho các nước thù địch với mình. Theo truyền thống đó, nhà Chu sau này cũng dùng từ Quỷ Phương để chỉ nước của người Nhung, Hung Nô, còn nhà Thanh dùng từ Bạch Quỷ để chỉ người Anh người Pháp.

Chúng ta có cơ sở để xác định nước Quỷ nằm ở bờ Bắc Dương Tử chính là nước Quỷ Phương trong cổ thư Hoa và là một nước trong liên minh Xích Quỷ.

Theo Chang<sup>1</sup> (1980: 251): văn giáp cốt Thương thời Vũ Đinh (vị vua thứ 22 của nhà Thương-Ân, trị vì trong khoảng 1250-1192 TCN) chỉ có hai lần nhắc đến nước Vu (Yufang) ở phía Nam, nhưng có một lần nói rõ đó là một nước thù địch với nước

<sup>1</sup> Chang tức Chang Kwang Chih/Trương Quang Trực (1931-2001), một học giả Hoa gốc Đài Loan, giáo sư khảo cổ học tại các trường Yale, Havard ở Mỹ.

Thương. Các chuyên gia về giáp cốt văn, người đoán nước Vu ở vùng sông Hoài, người định nước Vu ở vùng sông Hán. Chang cho rằng ý kiến sau hợp lý hơn bởi vùng sông Hoài ở phía Đông chứ không phải ở phía Nam nước Thương. Đặc biệt, một bài thơ trong *Kinh Thi* đã mô tả một chiến dịch của Vũ Đinh đánh sâu xuống vùng Nam sông Hán hay vùng “đất Kinh- đất Sở”.

*Trúc Thư* cũng viết: “Năm 32, Vua Cao Tôn đánh Quỷ Phương, đóng quân ở *Kinh*”. Cao Tôn là thụy hiệu của Vũ Đinh, Kinh là châu Kinh, gồm Hồ Bắc và Hồ Nam, sau là đất của Sở nên được gọi là “đất Kinh- đất Sở”.

Trên bản đồ 1, chúng ta thấy nước Vu được xác định ở vùng sông Hoài. Nhưng như Chang đã nêu, nước Vu đó phải ở đất Kinh và vì thế tương ứng với nước Quỷ. Do Vu = Việt (Chương 4), nước Vu là một nước của người Việt.

Một tư liệu khác <sup>1</sup> lại cho biết: di chỉ Bàn Long Thành (nay thuộc Vũ Hán, Hồ Bắc) là kinh đô của nước Phương thời Thương. Dễ thấy nước Quỷ trên bản đồ 1 tương ứng với Bàn Long Thành trên bản đồ 2. Như vậy, Quỷ và Phương là hai tên gọi tắt của cùng một nước Quỷ Phương hay nước Vu có kinh đô ở Bàn Long Thành.

Một tư liệu khác nữa (Allan 2005: 173) lại cho hay: Bàn Long Thành thuộc về nước Tước (Que).

Chúng ta thấy cùng một địa điểm Bàn Long Thành nhưng được xác định thuộc 4 nước khác nhau. Đó là vì giáp cốt văn là dạng chữ tượng hình thô sơ, nhiều chữ rất khó đọc, thậm chí không đọc nổi, một số chữ có thể đọc thành nhiều chữ khác nhau tùy văn cảnh hay người đọc. Tuy nhiên, có thể thấy, các âm *Yu* (Vu), *Gui* (Quỷ), *Que* (Tước) rất gần nhau. Cổ thư Hoa sau còn nói tới nước *Kuiyue* (*Qui Việt*) hay *Kueiyue* (*Qui Việt*) ở vùng Hồ Bắc –Tứ Xuyên –Quý Châu. Việc *Từ Hải* (Đại Từ điển thời Thanh) xác định Quý trong Quý Châu có gốc Quỷ và các tên gọi Qui Việt, Quì Việt cho thấy tất cả các tên *Qui*, *Quì*, *Quý*, *Tước*, *Vu* đều là những phiên âm khác nhau của từ Việt.

Tóm lại, nước Vu ở Bàn Long Thành chính là nước Quỷ Phương mà vua Ân Vũ Đinh đem quân xâm lược, sự kiện được nhắc tới trong *Kinh Dịch* và *Trúc Thư*. Đó là một nước thuộc liên minh Xích Quỷ của người Bách Việt. Các bằng chứng khảo cổ sẽ khẳng định điều này.

---

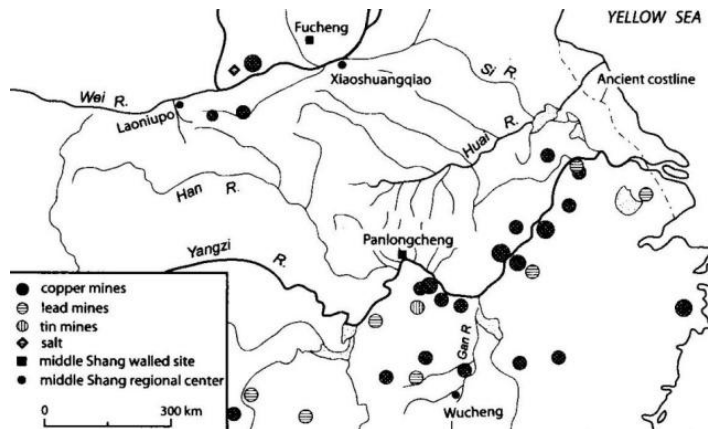
<sup>1</sup> <http://www.chinatour360.com/hubei/wuhan/>

## Nước Việt có kinh đô ở Bàn Long Thành

- **Di chỉ Bàn Long Thành**

Bàn Long Thành có nghĩa là Thành Rồng Cuộn, một tên gọi gợi tới tên thành Cổ Loa (hình rồng cuộn cũng là hình xoáy ốc) cũng như tới một tên cổ của thành Thăng Long là Long Đỗ ( Rốn Rồng- cũng có hình xoáy ốc). Tên gọi trên chắc là dịch từ một tên gọi Việt cổ cho ngôi thành hình tròn mang hình rùa (rồng), dạng thành đã xuất hiện ở Hồ Bắc và Hồ Nam ngay từ thời Đá Mới (Chương 8).

Nằm ngay nơi hợp lưu giữa hai dòng sông Hán và Dương Tử, cách không xa một loạt các mỏ đồng, chì, thiếc lớn, nên ngay từ thời Hạ, Bàn Long Thành đã trở thành một trung tâm làm gốm, nấu đồng, một cảng sông quan trọng trong việc chuyên chở hàng hóa từ Nam lên Bắc. Tiếp đó, khi bành trướng về phía Nam để khai thác các mỏ ở vùng Nam Dương Tử, đặc biệt là hai mỏ đồng Đồng Lục Sơn ở Hồ Bắc và Đồng Lĩnh ở Giang Tây, nhà Thương cũng đã chiếm ngay lấy Bàn Long Thành (Liu-Chen 2003:116).



**Hình 2:** Bản đồ cho thấy vị trí quan trọng của Bàn Long Thành (Panlongcheng).

**Nguồn:** Liu-Chen 2006

Học giả Mỹ Bagley (1999:170) cho biết: vào đầu thời Thương, Bàn Long Thành có diện tích 100 ha (1 km<sup>2</sup>), ở giữa có một tòa thành dài 290 m, rộng 260 m, có cấu trúc và kỹ thuật dựng giống thành Thương. Các ngôi mộ lớn nhất ở Bàn Long Thành cũng giống mộ Thương nhưng có số lượng đồ tùy táng vượt trội, nhất là đồ gốm (một

táng tục đặc trưng của người Bách Việt phương Nam-T Đ). Tại khu mộ, còn thấy các đoạn cột điều khắc và vẽ màu (có lẽ là cột nhà mồ giống cột nhà mồ Tây Nguyên-T Đ). Trong các đồ tùy táng, đồ đồng chắc chắn là đã được đúc tại chỗ, giống và đẹp như đồ Thương nhưng cũng có những yếu tố mới lạ về kỹ thuật, hình dáng, hoa văn giống như đồ đồng vùng hạ lưu Dương Tử thời Chu. Đồ gốm Bàn Long Thành, tổng hợp các phong cách của gốm Hạ và gốm bản địa, rất khác đồ gốm Thương, cho thấy tầng lớp thống trị ở Bàn Long Thành là người Thương, còn cư dân là người bản địa ( tức người Bách Việt-TĐ).

- **Quan hệ Bàn Long Thành-Ngô Thành-Nhạc Dương**

Tại Bàn Long Thành, các nhà khảo cổ đã phát hiện được di tích của hai lò gốm kiểu “lò rồng” giống kiểu lò gốm ở di chỉ Ngô Thành, Giang Tây, là dạng lò đặc trưng của người Bách Việt.

Đồ gốm có hoa văn giống gốm Bàn Long Thành cũng được phát hiện tại hai di chỉ Đồng Cổ Sơn và Chương Thụ Đàm ở Nhạc Dương, Hồ Nam, chứng tỏ cư dân Bàn Long Thành và cư dân Nhạc Dương nếu không cùng một tộc người thì cũng có quan hệ rất gần gũi.

Cũng theo Liu-Chen (2003:126), khoảng 1300 TCN, trong khi Bàn Long Thành bị bỏ hoang thì Ngô Thành ở Giang Tây lại trỗi dậy thành một trung tâm lớn trong vùng với trình độ phát triển cao về văn hóa vật chất và chính trị xã hội, thể hiện sự ra đời của một nhà nước ngày càng có tính độc lập, tự chủ với nhà Thương. Sự suy tàn của Bàn Long Thành và sự phát triển của Ngô Thành là hai sự kiện liên quan với nhau. Có hai khả năng: hoặc người Bàn Long Thành đã bỏ thành di tản về phía Nam tới Ngô Thành, hoặc người Ngô Thành đã phá hủy Bàn Long Thành rồi rút.

Nhưng Tanner (2005:38) lại nêu một khả năng khác: việc bỏ hoang Bàn Long Thành là do nhà Thương phải rút khỏi các vùng đất phía Nam và chuyển trung tâm quyền lực về phía Bắc. Điều này cũng được thể hiện qua việc nhà Thương phải rời đô nhiều lần, cuối cùng mới tới An Dương là kinh đô hoặc trung tâm tín ngưỡng của nhà Thương từ thời Vũ Đinh cho đến khi nhà Thương chấm dứt.

Theo tôi, việc bỏ hoang Bàn Long Thành cũng rất có thể đã diễn ra ngay sau cuộc chinh phạt nước Quỷ của vua Thương Vũ Đinh vào năm 1228 TCN. Câu trong *Trúc Thư* “Cao Tôn đánh Quỷ Phương đóng quân ở Kinh” cho thấy quân Thương đã chiếm được Bàn Long Thành. Điều đó có nghĩa người Bàn Long Thành đã phải di tản về phía Nam tới Ngô Thành. Câu trong *Kinh Dịch*: “Cao Tôn đánh Quỷ Phương, 3 năm mới được” và bài thơ trong *Kinh Thi* nói về việc Cao Tông đánh chiếm và chia cắt đất

Kinh cho thấy quân Thương còn tiến sâu hơn tới Hồ Nam, nhưng cuối cùng đã bị đánh bại, phải rút về phía Bắc và phá hủy Bàn Long Thành khiến thành bị bỏ hoang.

Dù theo khả năng nào thì việc người Bàn Long Thành rút về Ngô Thành cũng cho thấy người Bàn Long Thành với người Ngô Thành có mối quan hệ liên minh, trong đó người Ngô Thành có vai trò nòng cốt. Thực vậy, tư liệu khảo cổ khẳng định Ngô Thành là kinh đô của một nước Việt hùng mạnh với nền tảng là văn hóa Ngô Thành.

### 3. Nước Việt có kinh đô ở Ngô Thành

- Di chỉ Ngô Thành

Trên bản đồ 2, chúng ta thấy di chỉ Ngô Thành nằm bên bờ sông Cám, một nhánh của sông Dương Tử thông với hồ Bà Dương. Đó là con sông lớn nhất ở Giang Tây, tên sông đã trở thành tên gọi tắt của tỉnh Giang Tây nay.<sup>1</sup>

Ngô Thành là di chỉ có qui mô lớn thời Thương đầu tiên được phát hiện ở Nam Dương Tử. Các tư liệu khảo cổ cho thấy vào khoảng 1400 TCN, Ngô Thành đã trở thành một kinh đô lớn rộng 61 ha với đầy đủ thành lũy, cung điện, đền đài, mộ táng, kho tàng cùng với các lò gốm, lò nấu quặng, lò đúc đồng bẽ thế. Đặc biệt, người Ngô Thành đã phát triển một dạng chữ viết riêng.

Năm 1989, các nhà khảo cổ lại phát lộ được một ngôi mộ gò lớn- dạng mộ đặc trưng của người Bách Việt- có niên đại cuối thời Thương tại Tân Can, cách Ngô Thành 20 km. Trong mộ có tới 1900 đồ tùy táng, đa số là đồ gốm giống đồ gốm Ngô Thành về chất liệu, hình dáng, màu men, ký hiệu và hoa văn, chứng tỏ đó là mộ của một vị vua có kinh đô ở Ngô Thành.

Tổng thể các di vật và di tích ở Ngô Thành và Tân Can đủ để xác định một nền văn hóa Ngô Thành- tiêu biểu cho nền văn hóa Đồng Thau ở Nam Dương Tử (Phụ lục 5 B). Cho tới năm 2007, các nhà khảo cổ học đã phát hiện được ở riêng Giang Tây hơn 100 di chỉ thuộc văn hóa Ngô Thành

Về nền văn hóa đó, Bagley (1999: 173-74) nhận xét:

“Các đồ đồng có chất lượng cao, đặc tính lạ và phân bố rộng khẳng định Ngô Thành là quê hương của một nền văn minh riêng biệt với những chiếc nảo cỡ lớn là hiện vật tiêu biểu, đặc trưng. Những chiếc nảo đó kết nối văn hóa Ngô Thành với một nền văn hóa phổ biến rộng, dường như đã lan tỏa khắp vùng hạ lưu và sau đó cả vùng trung lưu Dương Tử. Rõ ràng, hai di

---

<sup>1</sup> Sông Cám là một trong 7 nhánh của sông Dương Tử. Tên sông xuất hiện trong *Sơn Hải Kinh* và được gắn với người khổng lồ Cám, “mặt người, tay dài, thân đen có lông, gót chân ngược, chạy khỏe, tóc rậm, hay cười”.

chỉ Ngô Thành và Tân Can là dấu tích thành trì và khu mộ táng cho vua quan của một nhà nước bản địa... Văn hóa Ngô Thành là một câu trả lời rõ ràng và rất mạnh mẽ đối với sự bành trướng của văn minh Nhị Lý Cương (tức văn minh Thương). Chắc chắn, xã hội Ngô Thành, khi tiếp nhận sự kích thích của văn minh Thương đã có một tầng lớp thống trị đủ giàu có để cung cấp nguyên liệu cho nghề đúc đồng ở qui mô lớn và nuôi nấng các thợ đúc đồng chuyên nghiệp thành thạo các kỹ thuật cao cấp”.

Như vậy, Ngô Thành là kinh đô của một nước Việt ở Giang Tây đã trở nên hùng mạnh vào cuối thời Thương, khoảng 1400-1200 TCN.

- **Quan hệ Ngô Thành và các văn hóa Bách Việt khác**

Các dạng mặt nạ bằng đồng giống mặt nạ Tân Can cũng được tìm thấy ở các di chỉ Thành Cổ và Lão Ngưu Pha (Thiểm Tây), Tam Tinh Đồi (Tứ Xuyên).

Đặc biệt, mặt nạ Tân Can rất gần gũi với hình vua thần hay pháp sư shaman trên trống đồng Sumitomo, cùng với trống đồng Sùng Dương là hai chiếc trống đồng của nước Xích Quỷ còn lại ( Phụ lục 5 C, 5D).



**Hình 3:** Mặt nạ đồng: a:Tân Can; b,c: Thành Cổ, d: Lão Ngưu Pha; e-Tam Tinh Đồi ; g-Hình pháp sư trên trống Sumitomo.

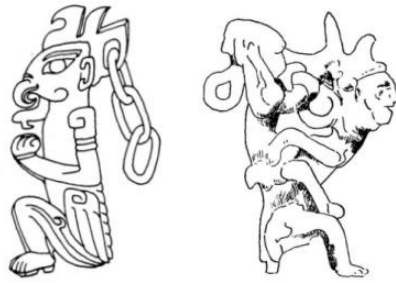
**Nguồn:** Bargley 1999; <http://www.china.org.cn>

Não bẹt Ngô Thành có kích cỡ và hoa văn tương tự não bẹt tìm thấy ở Giang Tô, Chiết Giang nhưng nhỏ hơn não bẹt ở Hồ Nam và Hồ Bắc. Những chiếc não bẹt gốc Ngô Thành cũng được tìm thấy ở An Huy, Giang Tô, Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông và Quảng Tây.

Một tượng người-chim bằng ngọc Ngô Thành, theo Falkenhausen (1999:218) có gốc từ Tam Tinh Đồi, nơi duy nhất ở Trung Quốc có tượng người-chim vào thời kỳ đó. (lưu ý: người –chim này có tóc tết đuôi sam một bím và đội một chiếc mũ gần gũi với



chiếc mũ đầu chim của tượng người công người thổ khèn trong văn hóa Đông Sơn-TĐ).



**Hình 4:** Người đội mũ đầu chim Ngô Thành; Người đội mũ đầu chim Đông Sơn

**Nguồn:** Falkenhausel 1999.

Một số dạng vũ khí khác mang những đặc điểm vùng thảo nguyên phương Bắc, phản ánh sự giao lưu giữa người Việt Ngô Thành với các nhóm Bách Việt khác ở Cam Túc, Thanh Hải, Thiểm Tây, Tứ Xuyên.

Jiao (2007a: 77) lại cho biết : một số dạng đồ gốm, qua đá, rìu bôn đá, qua đồng, lưỡi lao đồng Ngô Thành giống hệt các vật cùng loại của văn hóa Phù Bản ở Phúc Kiến-Đông Bắc Quảng Đông.

Đặc biệt, văn hóa Ngô Thành cũng đã có ảnh hưởng rõ rệt đến các văn hóa Đồng Đậu, Gò Mun ở Việt Nam.

Theo Lapteff (2011:96), một số loại rìu đồng Đồng Đậu giống rìu đồng Ngô Thành. Khuôn của các loại rìu trên với niên đại xấp xỉ nhau cũng được thấy ở Quảng Đông, vùng đệm giữa Giang Tây và Bắc Việt Nam, chứng tỏ có mối liên hệ giữa hai văn hóa Ngô Thành và Đồng Đậu thông qua Quảng Đông.

Theo Hoàng Xuân Chinh (2005:208): gốm Gò Mun được nung với nhiệt độ cao (900 độ C) nên rất cứng, gần như sành, ở giai đoạn muộn có kích thước lớn. Hoa văn gốm Gò Mun theo xu hướng hình học hóa cao độ, với các đường nét gấp khúc dứt khoát đặc biệt bắt đầu xuất hiện hoa văn động vật. Ở giai đoạn Gò Mun muộn đồ đồng phát triển mạnh, chất lượng cao hơn, mềm dẻo, ít tạp chất, ít han rỉ, một số khi tìm thấy vẫn gần như nguyên vẹn. Có một số loại mới như rìu lưỡi xéo, liềm hình vàng, mũi lao chuôi đặc, giáo búp đa, mũi tên, khuyên tai, lục lạc, vòng tay mặt cắt hình bầu dục.

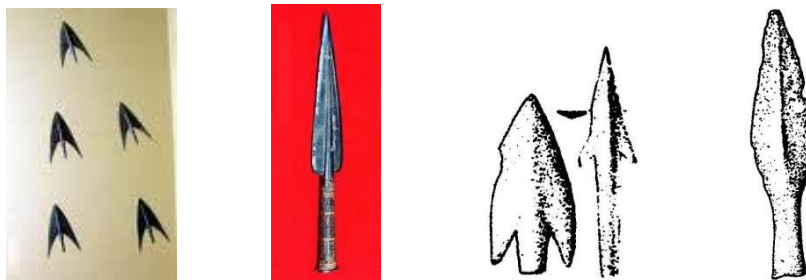
Như chúng ta đã biết, gốm Ngô Thành được nung ở nhiệt độ cao tới 1200 độ C nên có độ cứng cao, tạo ra đồ sành và đồ sứ nguyên thủy. Hoa văn gốm Ngô Thành có tính hình học hóa cao độ do chịu ảnh hưởng của hoa văn đồ đồng. Đồ đồng Ngô Thành cũng có chất lượng rất cao (lưỡi giáo đồng Ngô Thành có niên đại 3500 năm khi phát hiện cũng còn nguyên vẹn và trông như mới). Liềm đồng được coi là một phát minh của người Ngô Thành.

Để thấy, hoa văn trên nắp bình gốm của văn hóa Gò Mun hoàn toàn giống hoa văn trên nắp một bình đồng Ngô Thành có hình đầu chim mỏ sừng tương tự hình người –chim Tân Can. Dạng mũi tên cánh én, mũi giáo búp đa Gò Mun cũng tương tự mũi tên, mũi giáo Ngô Thành.



**Hình 4:** Rìu đồng: 1-Ngô Thành; 2- Đồng Đậu; Nắp bình đồng Ngô Thành có đầu chim; Nắp bình gốm Gò Mun.

**Nguồn:** Lapteff 2001; <http://baike.baidu.com/>; Hà Văn Tấn 1999.



**Hình 5:** Mũi tên cánh én, giáo búp đa Ngô Thành (ảnh) và Gò Mun (hình vẽ).

**Nguồn:** [dangjian.ccnt.com.cn](http://dangjian.ccnt.com.cn); [hudong.com](http://hudong.com); Hán Văn Khấn 2008,

Tóm lại, tư liệu khảo cổ khẳng định văn hóa Ngô Thành đã có sự tương tác với nhiều nền văn hóa của người Bách Việt ở Hồ Bắc, Hồ Nam, Thiểm Tây, Tứ Xuyên và Việt Nam.

Tuy nhiên, có những dấu hiệu chứng tỏ văn hóa Ngô Thành cùng với nước Việt ở Ngô Thành đã biến mất sau một cuộc chiến tranh. Tại lớp trên cùng của di chỉ, người ta thấy 21 chiếc sọ, có lẽ của những người lính trẻ hoặc chết trong chiến trận, hoặc là

từ binh bị hành quyết. Hầu như không có một di vật đồng nào có niên đại nửa đầu thiên niên kỷ I TCN được phát hiện ở đây (Lapteff 2010:100).

Sự biến mất của nước Việt có kinh đô ở Ngô Thành có vẻ có liên quan tới sự phát triển của một nước Việt khác có kinh đô ở Ninh Hương, Hồ Nam.

#### 4. Nước Việt có kinh đô ở Ninh Hương, Hồ Nam

- Các di chỉ chính

Tư liệu khảo cổ xác định tại Hồ Nam vào thời Thương có 3 di chỉ lớn:

1- Đồng Cổ Sơn, Nhạc Dương, ở phía Bắc hồ Động Đình là di chỉ Đồng Thau sớm nhất ở Hồ Nam (khoảng 1500 TCN). Tên gọi Đồng Cổ Sơn cho thấy nơi đây đã từng có trống đồng ( tương tự di chỉ Đồng Cổ Sơn của văn hóa Dạ Lang ở Quý Châu và đền Đồng Cổ Sơn ở Yên Định, Thanh Hóa).

Theo Bagley (1999:217) : một dạng bình rượu bằng đồng (lôi) ở Tam Tinh Đôi có thể có gốc từ Nhạc Dương. Theo Falkenhausen (2002:215) một số dạng bình dùng để đựng tiền vỏ ốc ở Tam Tinh Đôi có niên đại 1400-1250 TCN cũng giống một số dạng bình đồng ở Nhạc Dương và có thể đến từ Nhạc Dương.



**Hình 6:** Bình rượu Nhạc Dương ( cao 50 cm-trái) và bình rượu Tam Tinh Đôi ( cao 54 cm-phải), cả hai có niên đại thế kỷ 13-12 TCN.

**Nguồn:** Bagley 1999

2-Tạo Thị, bên bờ sông Lễ, là di chỉ Đồng Thau lớn nhất thời Thương ở Hồ Nam được phát hiện cho đến nay (7 ha). Gốm Tạo Thị thời đầu kết hợp các phong cách đồ gốm Thương, bản địa và Ngô Thành, sau đó chủ yếu có phong cách bản địa. Di chỉ cũng chứa nhiều xỉ đồng, công cụ đúc, dấu tích lò, chứng tỏ ở đây đã có nghề đúc đồng. Người Tạo Thị có thể đã khai thác đồng từ những mỏ đồng ở gần đó (Liu-Chen 2003:123-124).

Rất có thể, Tào Thị chính là nơi đã đúc ra chiếc trống đồng Sùng Dương được dùng trong cuộc kháng chiến chống quân Ân Vũ Đinh (Phụ lục 5 B, 5C) và những chiếc trống đồng gắn với di chỉ Đồng Cổ Sơn nêu trên.

3-Ninh Hương, nằm bên bờ sông Thương, nay thuộc Trường Sa-thủ phủ tỉnh Hồ Nam là di chỉ có hơn 300 đồ đồng cao cấp và đặc sắc thời cuối Thương- đầu Chu, trong đó có được 21 chiếc nỏ, bệ cỡ lớn có niên đại cuối Thương -đầu Chu và một chiếc đỉnh vuông 4 mặt người là biểu tượng cho vua chúa (Phụ lục 5 B). Đây cũng là nơi tìm thấy nhiều nhất nỏ bệ của người Bách Việt thời Thương-Chu tại Trung Quốc (21 trong tổng số 73 chiếc, có chỗ tìm được tới 10 chiếc, 5 chiếc nằm bên nhau), trong đó có chiếc lớn nhất nặng 220 kg. Số di vật đồng ở Ninh Hương chiếm 80% số đồ đồng thời Thương-Chu được tìm thấy ở cả Hồ Nam.

Về văn hóa Đồng Thau ở vùng Nam Hồ Bắc, Bắc Hồ Nam nói chung, Bagley (1999: 211) nhận xét:

“Cách chôn cất, chủng loại đặc trưng, kích cỡ lớn lạ thường, hình dáng và hoa văn khác lạ, tất cả các đồ đồng ở đây cho thấy một nền văn minh khác hẳn văn minh Thương... Những đồ đồng nặng 220 kg không phải là sản phẩm của những làng xã bình thường. Nếu hiểu biết của chúng ta về văn minh Dương Tử dựa vào các đồ đồng hơn là trên các tòa thành, và nếu chúng ta không có tòa thành nào ở Hồ Nam có thể so sánh với An Dương thì đó chỉ là vì hàng chục năm nay An Dương, chứ không phải Hồ Nam là trung tâm của các cuộc điều tra, khai quật khảo cổ học. Ngay cả những bằng chứng được phát hiện ngẫu nhiên cũng đủ để xác lập sự xuất hiện ở phương Nam những trung tâm văn minh với những mối liên hệ xa rộng...”

Các phát hiện khảo cổ học mới đã khẳng định nhận xét trên của Bagley.

Năm 2004, các nhà khảo cổ đã khai quật di chỉ Thán Hà Lý- Ninh Hương, rộng hơn 20 000 m<sup>2</sup> với dấu tích tường, hào, nền cung điện của một tòa thành có niên đại Tây Chu (1046-771 TCN). Tại vùng núi ngoài thành cũng phát hiện được 7 ngôi mộ quý tộc với nhiều đồ đồng và đồ ngọc. Tòa thành đó chính là dấu tích của kinh đô nước Việt Thương, nước có lẽ đã thôn tính nước Việt Chương có kinh đô ở Ngô Thành và trở thành một nước mạnh vào đầu thời Chu (Chương 6).

## **5. Các nước Việt ở Bắc Dương Tử**

Trong truyền thuyết Hồng Bàng, vua nước Xích Quỷ Kinh Dương Vương có cha là Đế Minh, có anh cùng cha khác mẹ là Đế Nghi cai trị phương Bắc. Đế Nghi sau truyền ngôi cho con là Đế Lai...

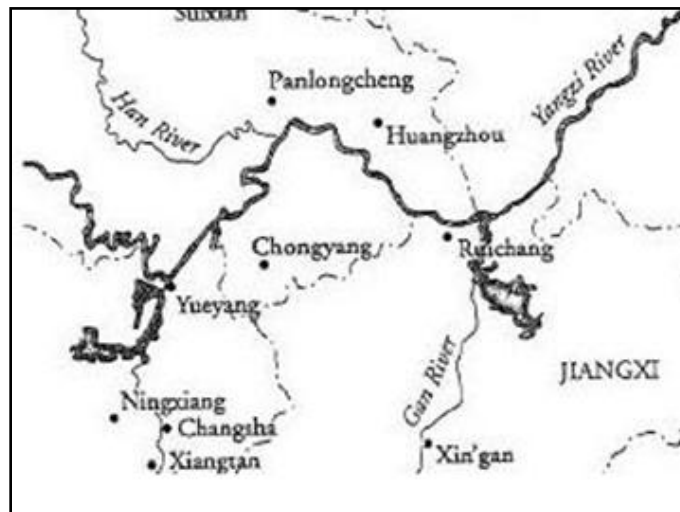
Nhìn lại bản đồ 1, chúng ta thấy có nước Lai Di (Laiyi) ở bán đảo Sơn Đông, nước Di (Yifang) ở vùng trung và hạ lưu sông Hoài. Đó là các nước của người Đông Di.

Trong *Kinh Thư*, cư dân Sơn Đông vẫn được gọi là Lai Di, Cửu Di hay Cửu Lê. Vào thời Tây Chu, người Di được gọi là Hoài Di, Nam Hoài Di hay Nam Di, cho thấy nhiều nhóm Di đã phải thiên di về phía Nam. Tên gọi Cửu Lê tương ứng với K'li-tên gọi một nhóm Lê ở Quảng Đông và đảo Hải Nam.

Nếu Kinh Dương Vương là vua hai châu Kinh-Dương thì Đế Nghi, Đế Lai có lẽ là vua các nước Di và Lai Di.

Sự tương đồng tương ứng giữa các tên gọi trên cũng là những bằng chứng về mối quan hệ cội nguồn giữa người Đông Di phía Bắc và Bách Việt phương Nam (Chương 2, 3, 4). Việc truyền thuyết nói Đế Minh đi tuần du lấy bà Vụ Tiên ở Nam Ngũ Lĩnh là một ẩn dụ về các cuộc thiên di của người Di xuống phía Nam, do phần lớn di dân là đàn ông nên thường kết hôn với phụ nữ bản xứ, một hiện tượng phổ biến đã được cả sử học và di truyền học khẳng định.

## 6. Bản chất của nước Xích Quỷ



**Hình 7:** Tam giác Bàn Long Thành-Ngô Thành-Ninh Hương-vùng trung tâm của “nước Xích Quỷ” xưa.

**Nguồn:** Bagley 1999

Nhà Thương, nhờ ưu thế về nghề đúc đồng tạo ra các vũ khí bằng đồng, trong một thời gian ngắn đã bành trướng về phía Tây và phía Nam để trở thành một đế chế hùng mạnh.

Như mọi sự bành trướng của các thế lực thực dân-đế quốc khác trong lịch sử, sự bành trướng của nhà Thương, trước hết nhằm mục đích kinh tế: tìm kiếm và khai thác các mỏ kim loại, muối ăn có nhiều hơn ở phía Đông và phía Nam khi các mỏ ở phía Tây đã dần cạn kiệt. Vùng trung lưu Dương Tử với các mỏ đồng lớn chính là đối tượng chính cho công cuộc bành trướng đó.

Sự bành trướng đó được thực hiện chủ yếu bằng vũ lực và thực dân, tức đưa quan quân từ chính quốc sang chiếm đóng và cai trị các trung tâm kinh tế-xã hội, các khu mỏ, các đầu mối giao thương, thậm chí đưa nhân công đến trực tiếp khai thác mỏ và sơ chế nguyên liệu. Mặt khác, nó cũng gắn liền với việc tạo ra các liên minh thông qua chế độ phân phong cho các thủ lĩnh địa phương, chế độ ban tặng- cống nạp các đồ quý giá và các cuộc trao đổi hôn nhân (vua Vũ Đinh lấy nhiều vợ thuộc nhiều tộc người khác nhau).

Thời hoàng kim của đế chế Thương là thế kỷ 15 TCN, thể hiện qua hơn 500 di chỉ với các di vật phản ánh tính thống nhất cao của văn hóa Thương được phát hiện ở ngoài đất Thương. Từ góc độ khảo cổ học, Bagley (1999:158) nhận xét :

“ Sự bành trướng của nhà Thương đã mang văn minh và nghề luyện kim tới những nơi trước đó chưa hề biết đến chúng. Rõ ràng, nó đã kích thích việc tạo ra những nền văn minh sau nền văn minh Thương... Các dạng đồ đồng mới như trống và nã bạt cỡ lớn vùng Dương Tử thể hiện sự phát triển của nghề đúc đồng Thương nhằm đáp ứng các nhu cầu bản địa. Các khác biệt văn hóa và tộc người chắc đã là nền tảng cho các sự phát triển đó và việc thể hiện những khác biệt trên đã báo hiệu cho sự chấm dứt bất cứ sự thống nhất về mặt chính trị nào đã được áp đặt trước đó. Có lẽ, đế chế Thương đã sụp đổ dưới sức ép của những nước đã được tạo ra để chống lại nó... Sự xuất hiện những đồ đồng giống nhau ở nhiều vùng ( hay nước) trên một phạm vi rộng buộc người ta phải nghĩ tới một hệ thống tương tác giữa các nước trên. Một ví dụ là các di vật phát hiện ở Phụ Nam vùng sông Hoài và ở Phì Tây, nằm giữa sông Hoài và sông Dương Tử. Các di vật này đều có nguồn gốc Thương nhưng có kích cỡ lớn và đẹp hơn đồ Thương. Các hoa văn rất đặc sắc, nhưng không mang phong cách địa phương mà mang phong cách của cả một thời quá độ phổ biến trên diện rộng. Một số di vật tương tự với di vật ở Phụ Nam còn thấy ở tận Thiểm Tây và Tứ Xuyên... Dựa trên bằng chứng văn hóa vật chất, các nước láng giềng văn minh nhất của nước Thương chính là các nước ở vùng Dương Tử. Tuy nhiên, nước diệt Thương lại là nước Chu- một nước kém văn minh hơn. Chính vì thế, sử sách Hoa thời Chu chỉ nói về quan hệ giữa nhà Chu và nhà Thương mà hoàn toàn bỏ qua các nước vùng Dương Tử. Lịch sử các nước đó bị mai một trong tâm thức lịch sử và giờ đây chỉ được dựng lại từ tư liệu khảo cổ”.

Từ góc độ sử học, Tanner (2009:38) bình luận:

“Có lẽ, nhà Thương là nạn nhân của chính sự thắng lợi của mình. Sự bành trướng về chính trị và văn hóa của nhà Thương đã kích thích sự ra đời của các nhà nước dùng đồ đồng ở các vùng ngoại vi phía Nam, Tây, Tây Nam và phía Bắc. Người ở các nước đó, khi dùng công nghệ đúc đồng, đã đổi mới nó theo nhu cầu và thẩm mỹ riêng của mình. Ví dụ, những chiếc

nào bạt và trống đồng lớn ở vùng trung lưu Dương Tử rất khác đồ đồng Thương. Các nền văn minh ở Giang Tây và Tứ Xuyên đã bắt đầu tạo ra bộ chữ viết riêng của mình, độc lập với bộ chữ viết của nhà Thương...Sức ép từ các quốc gia mới ở phía Nam đã góp phần đẩy lùi nhà Thương về phía Bắc. Đồng thời, việc phát hiện những mỏ đồng, thiếc, muối mới ở Sơn Tây có thể cũng khiến nhà Thương hướng về phía Bắc và rời đi từ Trịnh Châu về An Dương. Từ năm 1300 TCN, các vua Thương chỉ cai quản một vùng đất tương đối hẹp. Nước Thương chỉ là một trong nhiều nước...Các nước ở vùng Hoàng Hà và Dương Tử có trình độ phát triển về kinh tế, văn hóa, kỹ thuật và quân sự tương đương nhau ”.



**Hình 8:** Lãnh thổ nước Thương thời Vũ Đinh

**Nguồn:** Tanner 2009

Nói cụ thể, các quốc gia mới ở phía Nam đã gây sức ép đẩy lùi nhà Thương về phía Bắc chính là các nước của người Việt có kinh đô ở Ngô Thành, Ninh Hương và Bàn Long Thành đã tạo ra một liên minh chống cuộc xâm lược của nhà Thương do Vũ Đinh đích thân chỉ huy. Đó là các nước nằm ở hai châu Kinh-Dương và là cốt lõi lịch sử của nước Xích Quỷ trong truyền thuyết.

Tóm lại, nước Xích Quỷ thực chất là một liên minh của các nước Bách Việt thời Thương. Trung tâm của liên minh Xích Quỷ là nước Việt có kinh đô ở Ngô Thành, Giang Tây. Vậy nguồn gốc tên gọi Xích Quỷ của liên minh đó ra sao?

## 7. Tên gọi Xích Quỷ

Tên gọi Xích Quỷ có nghĩa đen là “Quỉ Đỏ”. Bình Nguyên Lộc ( 1971: 305) cho rằng đó là một cái tên “rất xấu xí”, mang tính miệt thị mà người Hoa gọi người Việt cổ và nguồn gốc của nó chính là màu da thổ chu (đất đỏ) của người Việt cổ. Vì thế, các sử gia thời Nguyễn đã không chép tên này vào sử mà thay bằng các tên Nam Phương hay Việt Nam.

Có thể, người nước Xích Quỷ cũng có màu da như da của người Da Đỏ- thổ dân châu Mỹ và đa số cũng cời trần như một số tộc người ở Tây Nguyên cho đến những năm đầu thế kỷ 20. Nhưng theo tôi, Xích Quỷ không phải là tên gọi miệt thị từ người Thương mà chính là một tên tự gọi đầy tự hào của người Bách Việt.

Xích Quỷ, đó chính một biệt danh của Xuy Vưu, trong truyền thuyết Việt Nam là bề tôi thân cận của Đế Lai, còn trong thần thoại Trung Hoa là thủ lĩnh của người Cửu Lê ở Sơn Đông, vào thời Hạ là vua nước Tam Miêu có lãnh thổ ở vùng hồ Động Đình- hồ Bà Dương, tức cũng trên địa bàn nước Xích Quỷ.

Hiện Xuy Vưu được coi là Ông Tổ của người Mông do mối liên hệ Tam Miêu- Miêu-Mông. Xuy Vưu với biệt danh Xích Quỷ (Thần mặc áo Đỏ) cũng được coi là một vị Vua- Ông Tổ của người Hàn Quốc do sự gần gũi giữa hai tên gọi Cửu Lê-Cao Ly. Các cổ động viên của đội tuyển bóng đá Hàn Quốc hiện coi Xuy Vưu là Thiên Vương, là vị thần hộ mệnh cho đội bóng. Họ cũng tự gọi là Xích Quỷ và đều mặc áo đỏ khi cổ vũ cho đội nhà.<sup>1</sup>

Trong tiếng Việt cũng như tiếng Hoa nay, hai từ quỷ và thần có nghĩa đối lập nhau, nhưng trong ngôn ngữ của nhiều tộc người gốc Bách Việt xưa và nay, từ chỉ quỷ và thần là một (ví dụ từ Yang trong ngôn ngữ của nhiều tộc người Nam Đảo và Nam Á ở Tây Nguyên). Có lẽ, vì không hiểu điều đó, một tác giả của sách *Lã Thị Xuân Thu* thời Tần viết:” Người Sở sợ quỷ nhưng người Việt lại mong quỷ phù hộ”.



**Hình 9:** Tượng Xuy Vưu -Ông Tổ người Mông ở Quý Châu; Tượng Xuy Vưu mặc áo đỏ tay cầm rìu ở Hàn Quốc.

**Nguồn:** [www.hmongbq.com](http://www.hmongbq.com); [sina.com.cn](http://sina.com.cn)

Trong thần thoại Trung Hoa ( bao gồm thần thoại Bách Việt ), Xuy Vưu đôi khi cũng được đồng nhất với Viêm Đế hay Xích Đế (đều có họ Khương, có sừng trâu trên đầu và đều là người chỉ huy cuộc chiến giành Trung Nguyên với Hoàng Đế- Ông Tổ

<sup>1</sup> Xem <http://vi.wikipedia.org/Chi> You



của người Hoa). Vì thế, Xích Quỷ là một tên gọi khác của Viêm Đế hay Thần Nông, Ông Tổ huyền thoại của người Bách Việt xưa (và của người Trung Quốc nay). Về mặt biểu tượng, Viêm Đế (Vua Xứ Nóng) tương đương với Xích Đế (Vua của đất phương Nam có hành Hỏa-màu Đỏ) và với Xích Quỷ (vị Thần của đất phương Nam).

Như vậy, Xích Quỷ là một tên gọi của Xuy Vũu, tương ứng với Viêm Đế- Xích Đế-Thần Nông. Có lẽ, đó là một tên gọi đã được dịch từ một tên gọi có nghĩa tương tự trong tiếng Bách Việt cổ.

Chúng ta sẽ thấy, các biểu tượng chính trên trống đồng và trên mặt nạ đồng của người Bách Việt thuộc nước Xích Quỷ đều là các biểu tượng của Xuy Vũu (Phụ lục 5C). Đặc biệt, Thánh Gióng trong truyền thuyết Việt Nam chính là một hóa thân của Xuy Vũu-Thần Chiến tranh-Thần Bảo Hộ của nước Xích Quỷ (Phụ lục 5D).

Tóm lại, Xích Quỷ là tên gọi cho Ông Tổ, vị Vua-Thần của người Bách Việt xưa, từ đó trở thành tên nước cổ nhất của người Việt Nam trong truyền thuyết.

Như đã chứng minh ở trên, nước Xích Quỷ thực chất là một liên minh của ít nhất là 3 nước Bách Việt, trong đó nước có vai trò trung tâm hay bá chủ là nước có kinh đô Ngô Thành ở Giang Tây. Tên gọi của nước đó mới là tên gọi thực của nước Xích Quỷ. Vậy tên gọi đó là gì?

## 8. Tên gọi thực của nước Xích Quỷ

Chúng ta đã biết, nước hùng mạnh nhất của người Việt ở vùng Nam Dương Tử thời Thương là nước có kinh đô ở Ngô Thành, Giang Tây.

Ngô Thành nằm bên sông Cám, con sông cho đến thời Xuân Thu-Chiến Quốc vẫn mang tên là Chương/ Dự Chương, tương ứng với tên nước Việt Chương vào cuối thời Chu có kinh đô ở Nam Xương, Giang Tây, nước đến thời Hán trở thành quận Dự Chương. Dựa trên mối liên hệ cội nguồn giữa tên tộc người và tên sông, giữa tên tộc người và tên nước (Phụ lục 4B), sự tương ứng giữa Dự Chương và Việt Chương, chúng ta có thể xác định: *người ở Ngô Thành là người Việt Chương, nước có kinh đô ở Ngô Thành là nước Việt Chương.*

Trong khi đó, một di chỉ quan trọng thời Thương ở Nhạc Dương, Hồ Nam có tên là Chương Thụ Đàm, trong khi di chỉ Ngô Thành nằm ở nơi có tên là Chương Thụ Thị. Theo Hà Quang Nhạc (2005:256) *chương thụ* là cây *chương* hay *dự chương* (đã

huơng), loại cây có nhiều ở các vùng núi Chương, sông Chương và là gốc cho tên đất, tên núi, tên sông Chương hay Dục Chương ở vùng Dương Tử.<sup>1</sup>

Cũng theo Norman (1988: 205) tiếng Cám, phương ngữ chính ở Giang Tây và Đông Hồ Nam có từ vựng giống tiếng Ngô ở Giang Tô, Chiết Giang và tiếng Tương ở Hồ Nam.

Từ mối liên hệ cội nguồn giữa tên tộc người-tên đất-tên sông và mối liên hệ cội nguồn ngôn ngữ trên, có thể khẳng định nhóm Việt ở Ninh Hương và nhóm Việt ở Ngô Thành đều là người Chương/Dục Chương/Việt Chương/Dương Việt. Không loại trừ khả năng, tên sông Tương (Xiang) và tên đất Nhạc Dương (Yue Yang) cũng có gốc từ tên người Chương/Việt Chương (Yue Zhang).

Việc xác định người ở Hồ Nam và Giang Tây đều là người Chương/ Dục Chương/Việt Chương, tiếp đó, nước Việt có kinh đô ở Ngô Thành là nước Việt Chương, nước Việt có kinh đô ở Ninh Hương là nước Việt Thường (Chương 6) cho phép chúng ta xác định *tên gọi thực của nước Xích Quỷ trong tiếng Bách Việt cổ tương ứng với hai từ chỉ Người Ya Yang, trong đó Ya là gốc của Việt/ Dục; Yang là một biến thể của Ya và là gốc của Chương hay Thường.*

Đó chính là tên gọi có liên hệ cội nguồn với các tên gọi tộc người-tên gọi nước Văn Lang, Dạ Lang, An Dương của người Bách Việt sau này.

Từ việc xác định nước Việt có kinh đô ở Ngô Thành có tên gọi là Việt Chương, chúng ta có thể coi Việt Chương là tên gọi của “nước” Xích Quỷ, một tên gọi có gốc từ tên gọi tộc người Ya Yang với các phiên âm Việt Chương, Dục Chương có họ hàng với các tên gọi Văn Lang, Dạ Lang, An Dương, Thả Lan/Điền, Thương Ngô.. của người Bách Việt sau này.

---

<sup>1</sup> Cây long não hay dã hương là cây có dáng đẹp uy nghi, gỗ chứa tinh dầu đốt thơm như hương trầm, có thể sống hàng nghìn năm, là loài cây quý hiếm trên thế giới. Được biết, trên thế giới hiện nay chỉ còn 2 cây dã hương cổ thụ, một ở châu Phi và một ở xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Cây này được vua Lê Cảnh Hưng (1740-1786) có sắc phong là “*Quốc chúa đô mộc Dã Đại vương*” (Cây dã hương lớn nhất nước); được ghi tên, in ảnh trong *Từ điển bách khoa Larouse* của Pháp. Người dân Tiên Lục tin cây dã hương chẳng bao giờ gãy cành vì gió bão. Khi có một cành già khô rơi xuống để những cành mới vươn lên đều báo hiệu những sự kiện trọng đại của đất nước. Có lẽ, người Bách Việt xưa đã từng thờ cây này như một cây thiêng-cây vật tổ, từ đó tin tên gọi của mình có gốc từ tên cây chương/dã hương. Việc đồng nhất tên tộc người và tên vật tổ là một hiện tượng phổ biến với các ví dụ người Lạc=chim Lạc, người Giao=rồng Giao/Giao long.v.v.

## Kết luận

1-Nước Xích Quỷ của Kinh Dương Vương trong truyền thuyết Việt Nam là một nước có thực trong lịch sử. Thực chất, đó là liên minh của ba nước Việt Chương ở Giang Tây, Việt Thường ở Hồ Nam, Việt Dương hay Dương Việt ở Hồ Bắc ra đời trong quá trình đấu tranh giành độc lập gắn với sự tan rã của đế chế Thương. Nước Việt Chương có kinh đô ở Ngô Thành là nòng cốt và đã lãnh đạo quân dân Xích Quỷ đánh bại cuộc xâm lược của quân Ân Thương do vua Thương Vũ Đinh đích thân chỉ huy.

2-Nền tảng vật chất của nước Xích Quỷ là nền văn hóa Đồng Thau Ngô Thành với các di vật tiêu biểu là những bộ nồi bện và trống đồng cỡ lớn có vai trò đặc biệt trong tín ngưỡng của người Xích Quỷ.

3-Điều có ý nghĩa nhất là bằng truyền thuyết *Họ Hồng Bàng* và đặc biệt là bằng truyền thuyết *Thánh Gióng* đánh giặc Ân, người Việt Nam đã lưu truyền được những hồi âm, hồi quang xa xăm của nước Xích Quỷ đó.